

CÔNG TY TNHH HÀ TRỌNG MINH
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH HÀ TRỌNG MINH

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: HA TRONG MINH COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt:

2. Mã số doanh nghiệp: 0109920862

3. Ngày thành lập: 02/03/2022

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Lô số NTT33, Tổ hợp nhà liền kề, Trung tâm Thương mại và Căn hộ, số 82 Nguyễn
Tuân, Phường Thanh Xuân Trung, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0936.928.692

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
2.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
3.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
4.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
5.	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác (loại trừ hoạt động đấu giá)	4511
6.	Bán lẻ ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống)	4512
7.	Đại lý ô tô và xe có động cơ khác (loại trừ hoạt động đấu giá)	4513
8.	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác	4520
9.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác (loại trừ hoạt động đấu giá)	4530
10.	Bán mô tô, xe máy (loại trừ hoạt động đấu giá)	4541
11.	Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy	4542
12.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy (loại trừ hoạt động đấu giá)	4543
13.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa Chi tiết: - Đại lý bán hàng hóa; - Môi giới mua bán hàng hóa.	4610

14.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống (trừ loại Nhà nước cấm)	4620
15.	Bán buôn gạo, lúa mỳ, hạt ngũ cốc khác, bột mỳ	4631
16.	Bán buôn thực phẩm	4632
17.	Bán buôn đồ uống	4633(Chính)
18.	Bán buôn sản phẩm thuốc lá, thuốc lào	4634
19.	Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép	4641
20.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Chi tiết: - Bán buôn vali, cặp, túi, ví, hàng da và giả da khác; - Bán buôn dược phẩm và dụng cụ y tế - Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh; - Bán buôn hàng gốm, sứ, thủy tinh; - Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện; - Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự; - Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm; - Bán buôn sản phẩm quang học và chụp ảnh (ví dụ: Kính râm, ống nhòm, kính lúp); - Bán buôn đồng hồ đeo tay, đồng hồ treo tường và đồ trang sức; - Bán buôn dụng cụ thể dục, thể thao.	4649
21.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
22.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
23.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
24.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác	4659
25.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại (trừ bán buôn vàng)	4662
26.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
27.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu	4669
28.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại (trừ hợp báo)	8230
29.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất, nhập khẩu hàng hóa - Ủy thác và nhận ủy thác xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa	8299
30.	Hoạt động dịch vụ phục vụ cá nhân khác còn lại chưa được phân vào đâu (trừ dịch vụ nhà nước cấm)	9639
31.	Lập trình máy vi tính	6201
32.	Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính	6202

33.	Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính Chi tiết: Khắc phục các sự cố máy vi tính và cài đặt phần mềm	6209
34.	Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan (Trừ hoạt động cung cấp hạ tầng thông tin cho thuê)	6311
35.	Cổng thông tin (Loại trừ hoạt động báo chí)	6312
36.	Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu (Loại trừ các hoạt động thỏa thuận và giải quyết các giao dịch tài chính, bao gồm thẻ tín dụng; Hoạt động tư vấn và môi giới thế chấp, Các dịch vụ ủy thác, giám sát trên cơ sở phí và hợp đồng)	6619
37.	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê Chi tiết: Kinh doanh bất động sản	6810
38.	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất Chi tiết: - Kinh doanh dịch vụ môi giới bất động sản - Sàn giao dịch bất động sản - Dịch vụ tư vấn bất động sản (trừ tư vấn về pháp luật về bất động sản, tư vấn về tài chính bất động sản); - Kinh doanh dịch vụ quản lý bất động sản	6820
39.	Hoạt động tư vấn quản lý (Loại trừ hoạt động tư vấn pháp luật, kế toán, kiểm toán)	7020
40.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Chi tiết: - Thiết kế kiến trúc công trình; Thiết kế kết cấu công trình dân dụng - công nghiệp; Thiết kế cơ - điện công trình; Thiết kế cấp - thoát nước công trình; Thiết kế xây dựng công trình giao thông; thiết kế xây dựng công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn; thiết kế xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật - Thiết kế xây dựng công trình - Tư vấn quản lý dự án xây dựng - Hoạt động tư vấn kỹ thuật có liên quan khác	7110
41.	Quảng cáo	7310
42.	Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận	7320
43.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng	7410
44.	Cho thuê xe có động cơ	7710
45.	Bán buôn tổng hợp (trừ loại nhà nước cấm)	4690
46.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4711

47.	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4719
48.	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh	4721
49.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
50.	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh	4723
51.	Bán lẻ sản phẩm thuốc lá, thuốc láo trong các cửa hàng chuyên doanh	4724
52.	Sản xuất rượu vang	1102
53.	Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng Chi tiết: Sản xuất nước khoáng, nước tinh khiết đóng chai;	1104
54.	May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú)	1410
55.	Sản xuất trang phục dệt kim, đan móc	1430
56.	Sản xuất giày, dép	1520
57.	In ấn	1811
58.	Dịch vụ liên quan đến in (Trừ rập khuôn tem)	1812
59.	Sản xuất mỹ phẩm, xà phòng, chất tẩy rửa, làm bóng và chế phẩm vệ sinh	2023
60.	Sản xuất thuốc, hoá dược và dược liệu (Doanh nghiệp chỉ được phép hoạt động khi đáp ứng đủ điều kiện theo quy định của pháp luật)	2100
61.	Sản xuất sẫm, lốp cao su; đắp và tái chế lốp cao su	2211
62.	Sản xuất sản phẩm khác từ cao su	2219
63.	Sản xuất sản phẩm từ plastic	2220
64.	Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét	2392
65.	Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao	2394
66.	Sản xuất sắt, thép, gang	2410
67.	Sản xuất kim loại quý và kim loại màu (trừ loại nhà nước cấm)	2420
68.	Đúc sắt, thép	2431
69.	Sản xuất các cấu kiện kim loại	2511
70.	Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại	2591
71.	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592
72.	Sản xuất dao kéo, dụng cụ cầm tay và đồ kim loại thông dụng	2593
73.	Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đầu Loại trừ: Hoạt động sản xuất huy hiệu và huân chương quân đội.	2599
74.	Sản xuất máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính	2620
75.	Sản xuất thiết bị truyền thông	2630
76.	Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng	2640
77.	Sản xuất thiết bị đo lường, kiểm tra, định hướng và điều khiển	2651

78.	Sản xuất băng, đĩa từ tính và quang học	2680
79.	Sản xuất mô tơ, máy phát, biến thế điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện	2710
80.	Sản xuất pin và ắc quy	2720
81.	Sản xuất dây, cáp điện và điện tử khác	2732
82.	Sản xuất thiết bị dây dẫn điện các loại	2733
83.	Sản xuất thiết bị điện chiếu sáng	2740
84.	Sản xuất đồ điện dân dụng	2750
85.	Sản xuất thiết bị điện khác	2790
86.	Sản xuất động cơ, tua bin (trừ động cơ máy bay, ô tô, mô tô và xe máy)	2811
87.	Sản xuất thiết bị sử dụng năng lượng chiết lưu	2812
88.	Sản xuất máy bơm, máy nén, vòi và van khác	2813
89.	Sản xuất bi, bánh răng, hộp số, các bộ phận điều khiển và truyền chuyển động	2814
90.	Sản xuất lò nung, lò luyện và lò nung	2815
91.	Sản xuất các thiết bị nâng, hạ và bốc xếp	2816
92.	Sản xuất máy móc và thiết bị văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính)	2817
93.	Sản xuất dụng cụ cầm tay chạy bằng mô tơ hoặc khí nén	2818
94.	Sản xuất máy thông dụng khác	2819
95.	Sản xuất máy nông nghiệp và lâm nghiệp	2821
96.	Sản xuất máy công cụ và máy tạo hình kim loại	2822
97.	Sản xuất máy luyện kim	2823
98.	Sản xuất máy chế biến thực phẩm, đồ uống và thuốc lá	2825
99.	Sản xuất máy chuyên dụng khác Chi tiết: - Sản xuất máy sản xuất vật liệu xây dựng - Sản xuất máy chuyên dụng khác chưa được phân vào đâu	2829
100.	Bán lẻ hàng hóa đã qua sử dụng trong các cửa hàng chuyên doanh (trừ hoạt động đấu giá)	4774
101.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo lưu động hoặc tại chợ	4781
102.	Bán lẻ hàng dệt, may sẵn, giày dép lưu động hoặc tại chợ	4782
103.	Bán lẻ thiết bị gia đình khác lưu động hoặc tại chợ	4784
104.	Bán lẻ hàng hóa khác lưu động hoặc tại chợ (Trừ bán lẻ vàng, súng, đạn, tem và tiền kim khí, hoạt động của đấu giá viên)	4789
105.	Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet (loại trừ hoạt động đấu giá)	4791

106.	Vận tải hành khách bằng xe buýt trong nội thành	4921
107.	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)	4931
108.	Vận tải hành khách đường bộ khác	4932
109.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ Chi tiết: - Vận tải hàng hóa bằng mô tô, xe máy có gắn động cơ; - Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe ô tô	4933
110.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
111.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt	5221
112.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy Chi tiết: - Hoạt động liên quan tới vận tải hành khách, động vật hoặc hàng hóa bằng đường thủy; - Hoạt động của cảng biển, cảng sông, bến tàu, cầu tàu; - Hoạt động của các cửa ngàm đường thủy; - Hoạt động hoa tiêu, lai dắt, đưa tàu cập bến	5222
113.	Bốc xếp hàng hóa	5224
114.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ Chi tiết: - Hoạt động liên quan tới vận tải hành khách, động vật hoặc hàng hóa bằng đường bộ; - Hoạt động của các bến, bãi ô tô, điểm bốc xếp hàng hóa; - Hoạt động quản lý đường bộ, cầu, đường hầm, bãi đỗ xe ô tô hoặc gara ô tô, bãi để xe đạp, xe máy;	5225
115.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải Chi tiết: - Gửi hàng; - Sắp xếp hoặc tổ chức các hoạt động vận tải đường sắt, đường bộ, đường biển; - Giao nhận hàng hóa; - Thu, phát các chứng từ vận tải hoặc vận đơn; - Logistics - Hoạt động của đại lý làm thủ tục hải quan - Hoạt động của các đại lý vận tải hàng hóa đường biển; - Hoạt động liên quan khác như: Bao gói hàng hóa nhằm mục đích bảo vệ hàng hóa trên đường vận chuyển, dỡ hàng hóa, lấy mẫu, cân hàng hóa.	5229
116.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510
117.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
118.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng	5621
119.	Dịch vụ ăn uống khác (Loại trừ cung cấp suất ăn hàng không)	5629

120.	Dịch vụ phục vụ đồ uống	5630
121.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển	7730
122.	Dịch vụ hành chính văn phòng tổng hợp	8211
123.	Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế	3100
124.	Sản xuất đồ chơi, trò chơi	3240
125.	Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn	3311
126.	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
127.	Sửa chữa thiết bị điện	3314
128.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
129.	Khai thác, xử lý và cung cấp nước	3600
130.	Thoát nước và xử lý nước thải Chi tiết: Xử lý nước thải;	3700
131.	Xây dựng nhà để ở	4101
132.	Xây dựng nhà không để ở	4102
133.	Xây dựng công trình đường sắt	4211
134.	Xây dựng công trình đường bộ	4212
135.	Xây dựng công trình điện	4221
136.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
137.	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	4223
138.	Xây dựng công trình công ích khác	4229
139.	Xây dựng công trình thủy	4291
140.	Xây dựng công trình khai khoáng	4292
141.	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo	4293
142.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299
143.	Phá dỡ	4311
144.	Chuẩn bị mặt bằng	4312
145.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
146.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741
147.	Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh	4742
148.	Bán lẻ vải, len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác trong các cửa hàng chuyên doanh	4751
149.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
150.	Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh	4753
151.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759

152.	Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4761
153.	Bán lẻ băng đĩa âm thanh, hình ảnh (kể cả băng, đĩa trắng) trong các cửa hàng chuyên doanh	4762
154.	Bán lẻ thiết bị, dụng cụ thể dục, thể thao trong các cửa hàng chuyên doanh	4763
155.	Bán lẻ trò chơi, đồ chơi trong các cửa hàng chuyên doanh	4764
156.	Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh	4771
157.	Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: - Bán lẻ dược phẩm, dụng cụ y tế trong các cửa hàng chuyên doanh - Bán lẻ nước hoa, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh	4772
158.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh (trừ bán lẻ vàng, sừng, đạn, tem và tiền kim khí)	4773

6. Vốn điều lệ: 10.000.000.000 VNĐ

7. Danh sách thành viên góp vốn:

STT	Tên thành viên	Quốc tịch	Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Giá trị vốn góp (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số Giấy tờ pháp lý của cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Giấy tờ pháp lý của tổ chức	Ghi chú
1	ĐỖ HẢI HÀ	Việt Nam	P304 – CT1 – Vimeco, Phường Trung Hoà, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	5.000.000.000	50,000	031811096	
2	NGUYỄN ĐỨC TRỌNG	Việt Nam	Số 25 ngách 114 ngõ Thổ Quan, Phường Thổ Quan, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	5.000.000.000	50,000	001092021636	

8. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: **ĐỖ HẢI HÀ**

Giới tính: *Nữ*

Chức danh: *Giám đốc*

Sinh ngày: *20/06/1992*

Dân tộc: *Kinh*

Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: *Chứng minh nhân dân*

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: *031811096*

Ngày cấp: *31/08/2011*

Nơi cấp: *Công an Thành phố Hải Phòng*

Địa chỉ thường trú: *P304 – CT1 – Vimeco, Phường Trung Hoà, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

Địa chỉ liên lạc: *Lô số NTT33, Tổ hợp nhà liền kề, Trung tâm Thương mại và Căn hộ, số 82 Nguyễn Tuân, Phường Thanh Xuân Trung, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

9. Nơi đăng ký: **Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội**